

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị Minh H**, sinh năm 1995; Nơi thường trú: **Số A** đường N, xã T, thành phố V, tỉnh P.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992; Nơi thường trú: **Khu M, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị **Vũ Thị Minh H** và anh **Nguyễn Văn T**.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị **Vũ Thị Minh H** và anh **Nguyễn Văn T** thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Trung H1**, sinh ngày 09/4/2022. Khi ly hôn, chị **H** và anh **T** thống nhất thỏa thuận chị **H** được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Trung H1**, sinh ngày 09/4/2022 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị **H** tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị **Vũ Thị Minh H** và anh **Nguyễn Văn T** không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị **Vũ Thị Minh H** và anh **Nguyễn Văn T** đều không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị **Vũ Thị Minh H** tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị **H** đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001205 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị **H** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*“Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND Thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Phạm Việt Hưng**